TÒA ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN SƠN DƯƠNG** **TỈNH TUYÊN QUANG**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số **93**/2023/HS-ST
Ngày 02/8/2023

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN SƠN DƯƠNG, TỈNH TUYÊN QUANG

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Tạ Hồng Chiến.

Các Hội thẩm nhân dân: Bà Đỗ Thị Thanh Uyên và ông Nguyễn SơnH..

- Thư ký phiên tòa: Bà Phạm Thị Huệ - Thư ký Tòa án nhân dân huyện Sơn Dương, tỉnh Tuyên Quang.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Sơn Dương, tỉnh Tuyên Quang tham gia phiên tòa: Ông Hoàng Hữu Trí - Kiểm sát viên.

Ngày 02 tháng 8 năm 2023, tại trụ sở Toà án nhân dân huyện Sơn Dương, mở phiên tòa công khai xét xử sơ thẩm vụ án hình sự thụ lý số 82/2023/TLST-HS ngày 23 tháng 6 năm 2023 theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 83/2023/HSST-QĐ ngày 18 tháng 7 năm 2023 và Thông báo thay đổi thời gian xét xử số 09/TB-TA ngày 24/7/2023 đối với các bị cáo:

1. Trần Văn K., sinh ngày 16/4/1990 tại thành phố V, tỉnh Vĩnh Phúc. Nơi cư trú: Tổ dân phố H, phường Đ, thành phố V, tỉnh Vĩnh Phúc. Nghề nghiệp: Lao động tự do; trình độ học vấn 11/12; dân tộc: Kinh; giới tính: Nam; tôn giáo: Không; quốc tịch: Việt Nam; con ông: Trần Duy B, sinh năm 1954 và bà: Nguyễn Thị T, sinh năm 1956; vợ con: Chưa có; anh chị em ruột có 05 người, bị cáo là con thứ 5. Tiền án, tiền sự: Không.

Nhân thân:

- Ngày 15/7/2005, Công an phường H, thị xã V, tỉnh Vĩnh Phúc xử phạt vi phạm hành chính về lĩnh vực an ninh trật tự đối với Trần Văn K. về hành vi Chiếm giữ trái phép tài sản của người khác, phạt tiền 50.000 đồng, nộp phạt ngày 02/8/2005.

- Ngày 20/4/2006, Công an thị xã P, tỉnh Vĩnh Phúc xử phạt vi phạm hành chính về an ninh trật tự đối với Trần Văn K. về hành vi Tiêu thụ tài sản do người khác phạm tội mà có, hình thức cảnh cáo.

- Bản án số 135/2010/HSST ngày 28/12/2010 của TAND thành phố V., tỉnh Vĩnh Phúc xử phạt Trần Văn K. 09 tháng tù về tội Trộm cắp tài sản, án phí HSST 200.000 đồng đã nộp ngày 18/3/2011. Ngày 24/6/2011chấp hành xong hình phạt tù.

- Bản án số 64/2012/HSST ngày 24/10/2012 của TAND huyện Tam Dương, tỉnh Vĩnh Phúc xử phạt Trần Văn K. 02 năm 06 tháng tù về tội Tàng trữ trái phép chất ma T.y, án phí HSST 200.000 đồng đã nộp ngày 16/01/2013. Ngày 26/11/2014 chấp hành xong hình phạt tù.

- Bản án số 105/2015/HSST ngày 27/8/2015 của TAND thành phố V., tỉnh Vĩnh Phúc xử phạt Trần Văn K. 02 năm 03 tháng tù về tội Đánh bạc, phạt tiền 5.000.000 đồng (ngày 01/7/2020 đã thi hành 170.000 đồng, ngày 09/7/2021, TAND thành phố V. quyết định miễn nghĩa vụ THA khoản tiền phạt đối với K.), án phí HSST 200.000 đồng đã nộp ngày 06/10/2015. Ngày 25/5/2017 chấp hành xong hình phạt tù.

- Quyết định áp dụng BPXLHC đưa vào cơ sở cai nghiện bắt buộc số 10/2019/QĐ-TA ngày 14/6/2019 của TAND thành phố V., tỉnh Vĩnh Phúc đối với Trần Văn K. thời gian chấp hành 18 tháng. Ngày 21/12/2020 chấp hành xong.

Bị cáo bị bắt tạm giữ, tạm giam từ ngày 21/5/2023, hiện đang bị tạm giam tại Trại Tạm giam Công an tỉnh Tuyên Quang (có mặt).

2. Nguyễn Tiến Đ., sinh ngày 25/3/1997 tại thành phố V., tỉnh Vĩnh Phúc. Nơi cư trú: Tổ dân phố Đ, phường T, thành phố V., tỉnh Vĩnh Phúc. Nghề nghiệp: Lao động tự do; trình độ học vấn 08/12; dân tộc: Kinh; giới tính: Nam; tôn giáo: Không; quốc tịch: Việt Nam; con ông: Nguyễn Văn N, sinh năm 1970 và bà: Nguyễn Thị H, sinh năm 1971; vợ: Lê Thị Hồng Ng., sinh năm 1997; con: có 01 con sinh năm 2018; anh chị em ruột có 02 người, bị cáo là con thứ 2. Tiền sự: Không

Tiền án: Bản án số 64/2021/HS-ST ngày 25/11/2021 của Tòa án nhân dân huyện Y, tỉnh Vĩnh Phúc xử phạt Nguyễn Tiến Đ. 12 tháng tù về tội Trộm cắp tài sản, án phí HSST 200.000 đồng đã nộp ngày 12/01/2022. Ngày 18/12/2022 chấp hành xong hình phạt tù.

Nhân thân:

- Bản án số 37/2015/HSST ngày 01/6/2015 của Tòa án nhân dân thị xã P, tỉnh Vĩnh Phúc xử phạt Nguyễn Tiến Đ. 09 tháng tù về tội Trộm cắp tài sản, án phí HSST 200.000 đồng đã nộp tháng 8/2015.

- Bản án số 72/2015/HSST ngày 28/9/2015 của Tòa án nhân dân thị xã P, tỉnh Vĩnh Phúc xử phạt Nguyễn Tiến Đ. 01 năm 06 tháng tù về tội Trộm cắp tài sản. Tổng hợp hình phạt 09 tháng tù tại Bản án số 37 ngày 01/6/2015, buộc bị cáo phải chấp hành hình phạt của 02 bản án là 02 năm 03 tháng tù, án phí HSST 200.000 đồng đã nộp tháng 12/2015. Ngày 24/7/2017 chấp hành xong hình phạt tù.

Bị cáo bị bắt tạm giữ, tạm giam từ ngày 15/4/2023, hiện đang bị tạm giam tại Trại Tạm giam Công an tỉnh Tuyên Quang (có mặt).

- *Bị hại:* Chị Trần Thị Vân K., sinh năm 1992

Địa chỉ: Thôn B, xã S, huyện S, tỉnh Tuyên Quang (vắng mặt).

- *Người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan:* Anh Hoàng Văn H., sinh năm 1975

Địa chỉ: Tổ dân phố Cửu Yên 2, thị trấn Hợp Châu, huyện Tam Đảo, tỉnh Vĩnh Phúc (vắng mặt).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Khoảng 08 giờ ngày 09/4/2023, bị cáo Trần Văn K. gọi điện thoại rủ Nguyễn Tiến Đ. (Đ. và K. quen nhau khi đi chấp hành án tại Trại tạm giam Công an tỉnh Vĩnh Phúc) đi trộm cắp tài sản để bán lấy tiền chi tiêu cá nhân. Đ. đồng ý, điều khiển xe mô tô kiểu dáng HONDA Dream do Trung Quốc sản xuất, không có biển số đăng ký (xe của Đ.) đến nhà đón K., cả hai thống nhất đi đến khu vực tỉnh Tuyên Quang để trộm cắp xe mô tô của người dân để sơ hở. Khoảng 16 giờ 15 phút cùng ngày, K. điều khiển xe mô tô chở Đ. ngồi sau đi đến khu vực thôn Ba Nhà, xã Sơn Nam, huyện Sơn Dương, quan sát thấy 01 xe mô tô nhãn hiệu HONDA Vision màu trắng, biển số đăng ký 22S1-190.57 của chị Trần Thị Vân K. dựng ở sân nhà chìa khóa xe vẫn cắm ở ổ khóa điện, K. và Đ. thống nhất trộm cắp chiếc xe mô tô trên. K. điều khiển xe quay lại gần vị trí chiếc xe của chị K., ngồi trên xe của Đ. để cảnh giới, còn Đ. đến gần xe mô tô của chị K., mở ổ khóa điện nổ máy điều khiển xe đi về hướng tỉnh Vĩnh Phúc, K. điều khiển xe của Đ. đi theo sau. Trên đường đi Đ. dừng lại kiểm tra cốp xe thấy có 01 giấy đăng ký xe mang tên Trần Thị Vân K., cả hai tiếp tục đi đến khu vực Cầu Oai thuộc thành phố V., tỉnh Vĩnh Phúc, đem xe mô tô trộm cắp được vào 01 quán cầm đồ không rõ địa chỉ cụ thể để cầm cố nhưng chủ quán không nhận.

Sau đó K. gọi điện thoại cho Nguyễn Anh T., sinh năm 1992, trú tại tổ dân phố Y, thị trấn H, huyện T, tỉnh Vĩnh Phúc (bạn của K.) nói Thằng em anh có cái xe muốn bán, xe có giấy tờ đầy đủ, em xem có chỗ nào mua xe không, T. trả lời anh cứ xuống đây đi xong em đưa anh đi bán, Đ. gửi xe mô tô của Đ. ở một quán nước ven đường (không xác định được địa chỉ cụ thể) rồi cùng nhau đi đến thị trấn Hợp Châu, huyện Tam Đảo, tỉnh Vĩnh Phúc gặp T.. T. hỏi xe của ai thì K. nói xe của vợ thằng em anh, do không sử dụng và cần tiền gấp nên bán, xe có giấy tờ đầy đủ. T. bảo K. đứng đợi và đưa Đ. đến quán Karaoke của anh Hoàng Văn H. ở tổ dân phố C, thị trấn H, huyện T, tỉnh Vĩnh Phúc để bán xe, H. hỏi thì Đ. nói xe của vợ cháu, có giấy tờ đăng ký.H. kiểm tra xe và giấy tờ, đồng ý mua với giá 12.000.000 đồng, T. viết giấy bán xe. Sau khi bán được xe, T. và Đ. đi xe taxi quay lại đón K., cả ba người đi uống bia đến khoảng 20 giờ cùng ngày thì T. đi về, còn K. và Đ. đi lấy xe mô tô, sau khi trừ tiền ăn uống và thuê taxi thì Đ. và K. chia nhau mỗi người được 5.200.000 đồng, cả hai đã chi tiêu cá nhân hết. Ngày 13/4/2023 chị K. trình báo sự việc đến Công an huyện Sơn Dương.

Kết luận định giá tài sản số 30/KL-HĐĐGTSTTHS ngày 14/4/2023 của Hội đồng định giá tài sản trong tố tụng hình sự huyện Sơn Dương, kết luận: 01 xe mô tô nhãn hiệu HONDA, loại xe VISION, biển số đăng ký 22S1-190.57 tại thời điểm bị trộm cắp trị giá 12.000.000 đồng (*Mười hai triệu đồng*).

Từ nội dung trên, tại bản Cáo trạng số 89/CT-VKSSD ngày 22 tháng 6 năm 2023, Viện kiểm sát nhân dân huyện Sơn Dương, tỉnh Tuyên Quang đã truy tố các bị cáo Nguyễn Tiến Đ., Trần Văn K. về tội "*Trộm cắp tài sản*" theo quy định tại khoản 1 Điều 173 của Bộ luật Hình sự.

Tại phiên tòa, đại diện Viện Kiểm sát nhân dân huyện Sơn Dương giữ quyền công tố vẫn giữ nguyên quan điểm truy tố đối với các bị cáo và đề nghị Hội đồng xét xử: Tuyên bố các bị cáo Nguyễn Tiến Đ., Trần Văn K. phạm tội "*Trộm cắp tài sản*".

Áp dụng khoản 1 Điều 173; đoạn 1 điểm h khoản 1 Điều 52, điểm s khoản 1, khoản 2 Điều 51, Điều 38, 58 - Bộ luật Hình sự: Xử phạt bị cáo Nguyễn Tiến Đ. từ 01 (một) năm 06 (sáu) tháng đến 02 (hai) năm tù.

Áp dụng khoản 1 Điều 173; điểm s khoản 1, khoản 2 Điều 51, Điều 38, 58 - Bộ luật Hình sự: Xử phạt bị cáo Trần Văn K. từ 01 (một) năm 03 (ba) tháng đến 01 (một) năm 09 (chín) tháng tù.

Dân sự: Áp dụng vào Điều 48 - Bộ luật Hình sự; Điều 280 - Bộ luật Dân sự tuyên: Bị cáo Nguyễn Tiến Đ. và Trần Văn K. có nghĩa vụ hoàn trả cho anh Hoàng Văn H. số tiền 12.000.000 đồng (mười hai triệu đồng), chia ra mỗi bị cáo phải trả 6.000.000 đồng.

Ngoài ra, Đại diện Viện kiểm sát còn đề nghị Hội đồng xét xử xem xét không áp dụng hình phạt bổ sung, tuyên quyền kháng cáo và buộc các bị cáo phải chịu án phí HSST, án phí dân sự có giá ngạch theo quy định của pháp luật.

Trong quá trình điều tra và tại phiên tòa, các bị cáo Nguyễn Tiến Đ., Trần Văn K. đã khai nhận toàn bộ hành vi phạm tội của mình phù hợp với nội dung cáo trạng truy tố đối với các bị cáo; các bị cáo không có ý kiến hay khiếu nại gì về kết luận định giá tài sản, nhất trí với luận tội của đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Sơn Dương, không có ý kiến tranh luận và cũng không có ý kiến gì để bào chữa cho hành vi phạm tội của mình. Khi nói lời sau cùng các bị cáo nhận thức được hành vi của mình là vi phạm pháp luật và đề nghị Hội đồng xét xử xem xét cho các bị cáo được hưởng mức án nhẹ nhất.

Bị hại chị Trần Thị Vân K. khai tại Cơ quan điều tra (BL số 122 - 127) thể hiện: Ngày 09/4/2023 chị có bị mất trộm tài sản là 01 xe mô tô, loại xe Vision, nhãn hiệu HONDA màu sơn trắng, biển số 22S1-190.57 cùng giấy đăng ký xe để trong cốp. Sau khi phát hiện bị mất xe chị đã đi tìm và biết được bị cáo Nguyễn Tiến Đ. là người trộm cắp. Hiện chị đã nhận lại được xe mô tô, không có yêu cầu gì về dân sự. Tại đơn xin xét xử vắng mặt chị đề nghị HĐXX xem xét giảm nhẹ một phần hình phạt cho các bị cáo.

Người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan anh Hoàng Văn H. khai tại Cơ quan điều tra (BL số 131 - 136) thể hiện: Khoảng 20 giờ ngày 09/4/2023 anh Nguyễn Anh T. và bạn của T. (bị cáo Nguyễn Tiến Đ.) đi 01 xe mô tô, loại xe Vision biển số 22S1-190.57 đến quán của anh bảo bán xe. Khi anh hỏi nguồn gốc thì Đ. nói xe của vợ Đ., do cần tiền gấp nên bán. Anh kiểm tra xe và giấy tờ hợp lệ nên đồng ý mua với giá 12.000.000 đồng, T. là người viết giấy bán xe cho anh. Anh đã trả đủ tiền và Đ. đã giao xe cùng giấy đăng ký xe cho anh. Ngày 14/4/2023 anh được biết xe mô tô trên do Đ. trộm cắp mà có nên đã tự nguyện giao xe cho Cơ quan điều tra Công an huyện Sơn Dương để phục vụ điều tra. Nay anh đề nghị bị cáo Đ. có nghĩa vụ trả cho anh số tiền anh mua xe là 12.000.000 đồng (mười hai triệu đồng).

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1]. Về hành vi phạm tội của các bị cáo: Tại phiên tòa, các bị cáo Nguyễn Tiến Đ., Trần Văn K. tiếp tục khai nhận toàn bộ hành vi phạm tội của mình phù hợp với lời khai của các bị cáo tại cơ quan điều tra và cáo trạng truy tố đối với các bị cáo. Hành vi phạm tội của các bị cáo còn được chứng minh qua lời khai người bị hại, người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan, biên bản khám nghiệm hiện trường, kết luận định giá tài sản cùng các tài liệu, chứng cứ khác có trong hồ sơ vụ án. Do vậy, Hội đồng xét xử có đủ cơ sở kết luận: Khoảng 16 giờ 30 phút ngày 09/4/2023 tại thôn B, xã S, huyện S, tỉnh Tuyên Quang các bị cáo Nguyễn Tiến Đ., Trần Văn K. có hành vi trộm cắp 01 xe mô tô, loại xe Vision, nhãn hiệu HONDA màu sơn trắng, biển số 22S1-190.57 trị giá 12.000.000 đồng (mười hai triệu đồng) của chị Trần Thị Vân K..

Các bị cáo là người có năng lực hành vi dân sự, đủ tuổi chịu trách nhiệm hình sự và đã có hành vi trộm cắp tài sản, giá trị tài sản đủ định lượng cấu thành tội phạm. Hành vi của các bị cáo được thực hiện dưới hình thức lỗi cố ý trực tiếp. Vì vậy, Viện kiểm sát nhân dân huyện Sơn Dương truy tố các bị cáo Nguyễn Tiến Đ., Trần Văn K. về tội "*Trộm cắp tài sản*" theo quy định tại khoản 1 Điều 173 Bộ luật Hình sự là đúng người, đúng tội, đúng quy định của pháp luật và có cơ sở, cần chấp nhận.

[2]. Về tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ trách nhiệm hình sự:

- Về tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự:

Ngày 25/11/2021 bị cáo Nguyễn Tiến Đ. bị TAND huyện Yên Lạc, tỉnh Vĩnh Phúc xử phạt 12 tháng tù về tội Trộm cắp tài sản (Bản án số 64/2021/HSST), ngày 12/01/2022 bị cáo chấp hành xong hình phạt tù, chưa được xóa án tích đã phạm tội mới, phạm tội lần này thuộc trường hợp tái phạm nên bị cáo phải chịu tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự "Tái phạm" quy định tại đoạn 1 điểm h khoản 1 Điều 52 Bộ luật Hình sự.

Bị cáo Trần Văn K. không có tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự.

- Về tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự: Các bị cáo Nguyễn Tiến Đ., Trần Văn K. trong quá trình điều tra và tại phiên tòa thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải; người bị hại xin giảm nhẹ hình phạt cho các bị cáo. Đây là tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự quy định tại điểm s khoản 1, khoản 2 Điều 51 Bộ luật Hình sự cần áp dụng cho các bị cáo để lên mức án cho phù hợp;

[3]. Về mức án đối với các bị cáo: Hành vi phạm tội của các bị cáo là nguy hiểm cho xã hội, xâm phạm trực tiếp đến quyền sở hữu tài sản của công dân và gây mất an ninh chính trị, trật tự an toàn xã hội tại địa phương, gây dư luận xấu trong nhân dân. Các bị cáo đều có nhân thân xấu, đã nhiều lần bị Tòa án xét xử hình phạt tù có thời hạn nhưng không lấy đó làm bài học cải tạo bản thân còn tiếp tục phạm tội mới. Do vậy, cần phải có mức án nghiêm khắc, áp dụng hình phạt tù có thời hạn nhất định mới cải tạo giáo dục các bị cáo trở thành công dân tốt và phòng ngừa tội phạm chung.

Trong vụ án này các bị cáo phạm tội với vai trò đồng phạm giản đơn, không có tổ chức trong đó: bị cáo K. là người khởi xướng, canh gác; bị cáo Đ. là người trực tiếp

thực hiện hành vi trộm cắp và đi tiêu thụ tài sản nên vai trò của các bị cáo ngang nhau. Tuy nhiên, lần phạm tội này của bị cáo Đ. thuộc trường hợp tái phạm nên càn xử bị cáo Đ. mức án cao hơn bị K..

Căn cứ tính chất, mức độ nguy hiểm trong hành vi phạm tội của các bị cáo cũng như các tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ trách nhiệm hình sự áp dụng đối với các bị cáo, cần xử các bị cáo mức án khởi điểm của khung hình phạt do đại diện Viện kiểm sát đề nghị là phù hợp.

[4]. Về hình phạt bổ sung: Các bị cáo là lao động tự do, không có tài sản có giá trị nên Hội đồng xét xử không áp dụng hình phạt bổ sung (*phạt tiền*) đối với các bị cáo.

[5]. Về xử lý vật chứng: Quá trình điều tra, Cơ quan CSĐT Công an huyện Sơn Dương đã thu giữ 01 xe mô tô, loại xe Vision, nhãn hiệu HONDA màu sơn trắng, biển số 22S1-190.57 và 01 giấy chứng nhận đăng ký xe mô tô mang tên Trần Thị Vân K.. Ngày 08/5/2023 đã trả lại xe cho chủ sở hữu hợp pháp là chị Trần Thị Vân K. nên HĐXX không xem xét.

[6]. Về trách nhiệm dân sự:

Người bị hại chị Trần Thị Vân K. đã nhận lại được tài sản và không yêu cầu bồi thường gì thêm nên không xem xét.

Người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan anh Hoàng Văn H. yêu cầu bị cáo Nguyễn Tiến Đ. hoàn trả cho anh số tiền mua xe 12.000.00 đồng. Tại phiên tòa các bị cáo Nguyễn Tiến Đ., Trần Văn K. nhất trí liên đới hoàn trả số tiền trên cho anhH.. Xét sự đồng ý hoàn trả số tiền mua bán xe của các bị cáo là tự nguyện, không trái pháp luật phù hợp với quy định tại Điều 280 - Bộ luật Dân sự nên HĐXX ghi nhận cụ thể, các bị cáo Đ. và K. cùng có nghĩa vụ liên đới hoàn trả cho anh Hoàng Văn H. số tiền 12.000.000 đồng (mười hai triệu đồng), chia ra mỗi bị cáo phải trả 6.000.000 đồng.

[7]. Về các vấn đề khác:

Đối với xe mô tô không có biển số đăng ký, các bị cáo Đ. và K. sử dụng làm phương tiện đi trộm cắp tài sản là xe của bị cáo Đ. mua lại ở cửa hàng thu mua phế liệu tại thành phố V., tỉnh Vĩnh Phúc, không nhớ địa chỉ cụ thể, không có giấy tờ gì, đến ngày 12/4/2023 Đ. đã bán chiếc xe trên cho một người nam giới không xác định được tên, địa chỉ, gặp ở quán nước ven đường thành phố Phúc Yên, tỉnh Vĩnh Phúc. Cơ quan điều tra không truy tìm được để thu giữ và xử lý.

Đối với Nguyễn Anh T. là người đưa các bị cáo Nguyễn Tiến Đ., Trần Văn K. đi bán xe; Hoàng Văn H. là người mua xe mô tô của bị cáo Đ., nhưng T. vàH. không biết tài sản do trộm cắp mà có nên Cơ quan điều tra không đề cập xử lý.

Do vậy, Hội đồng xét xử không xem xét.

[8]. Về tính hợp pháp của các hành vi, quyết định tố tụng: Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an huyện Sơn Dương, Điều tra viên; Viện kiểm sát nhân dân huyện Sơn Dương, Kiểm sát viên trong quá trình điều tra, truy tố đã thực hiện đúng về thẩm quyền, trình tự, thủ tục theo quy định của Bộ luật Tố tụng hình sự; tại phiên tòa, Kiểm sát viên đã thực hiện đúng nhiệm vụ, quyền hạn khi thực hành quyền công tố. Quá trình điều tra và tại phiên tòa, các bị cáo không có ý kiến hoặc khiếu nại về hành vi,

quyết định của cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng. Do đó, các hành vi, quyết định tố tụng của cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng đã thực hiện đều hợp pháp.

[9]. Về án phí:

Các bị cáo Nguyễn Tiến Đ., Trần Văn K., mỗi bị cáo phải chịu 200.000 đồng án phí hình sự sơ thẩm và 300.000 đồng án phí dân sự sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

[10]. Về quyền kháng cáo:

Các bị cáo, bị hại và người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan có quyền kháng cáo bản án theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

1. Căn cứ khoản 1 Điều 173 - Bộ luật Hình sự:

Tuyên bố: Các bị cáo Nguyễn Tiến Đ., Trần Văn K. phạm tội *"Trộm cắp tài sản"*.

2. Căn cứ khoản 1 Điều 173; đoạn 1 điểm h khoản 1 Điều 52, điểm s khoản 1, khoản 2 Điều 51, Điều 38, 58 - Bộ luật Hình sự: Xử phạt bị cáo **Nguyễn Tiến Đ. 01** (một) năm **09** (chín) tháng tù. Thời hạn tù tính từ ngày 15/4/2023.

3. Căn cứ khoản 1 Điều 173; điểm s khoản 1, khoản 2 Điều 51, Điều 38, 58 - Bộ luật Hình sự: Xử phạt bị cáo **Trần Văn K. 01** (một) năm **06** (sáu) tháng tù. Thời hạn tù tính từ ngày 21/5/2023.

4. Căn cứ vào Điều 48 - Bộ luật Hình sự; các Điều 280, 584, 589, 357 - Bộ luật Dân sự: Các bị cáo Nguyễn Tiến Đ. và Trần Văn K. có nghĩa vụ liên đới hoàn trả cho anh Hoàng Văn H. số tiền 12.000.000 đồng (mười hai triệu đồng), chia ra mỗi bị cáo có nghĩa vụ hoàn trả 6.000.000 đồng (sáu triệu đồng).

Trường hợp bên có nghĩa vụ chậm trả tiền thì bên đó phải chịu lãi của số tiền chậm trả tương ứng với thời gian chậm trả. Lãi suất phát sinh do chậm trả tiền được thực hiện theo quy định tại khoản 2 Điều 468 Bộ luật dân sự năm 2015.

5. Căn cứ vào: Điều 136, Điều 331, Điều 333 Bộ luật Tố tụng hình sự; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội.

- Về án phí: Các bị cáo Nguyễn Tiến Đ., Trần Văn K. mỗi bị cáo phải nộp 200.000 đồng án phí hình sự sơ thẩm, 300.000 đồng án phí dân sự sơ thẩm, tổng cộng 500.000 đồng (năm trăm nghìn đồng).

- Về quyền kháng cáo: Các bị cáo có mặt được quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 (Mười lăm) ngày kể từ ngày tuyên án. Chị K., anhH. vắng mặt được quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 (Mười lăm) ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết.

Quyết định này được thi hành theo quy định tại điều 2 Luật thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các

điều 6, 7, 7a và 9 Luật thi hành án dân sự; Thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:
- TAND tỉnh TQ;
- VKS ND tỉnh TQ;
- VKS ND huyện SD;
- Cơ quan CSĐT CA huyện SD;
- Chi cục THADS huyện SD;
- Trại tạm giam CA tỉnh TQ;
- UBND P. Đồng Tâm, P. Tiền Châu TP. V, tỉnh. Vĩnh Phúc;
- Các bị cáo;
- Lưu HS.

T/M HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Tạ Hồng Chiến